

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 /7/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn và con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Huệ; Bà Lương Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên: Bà Ngô Diệu Thanh – chức vụ : Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công , tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, có mặt

Bị đơn: Anh Đồng Văn B, sinh năm 1979, vắng mặt lần 2

Đều trú tại: Xóm A, xã B, Tp Sông Công, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đồng Văn B kết hôn năm 2005 đăng ký tại UBND xã B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Vợ chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó quan hệ vợ chồng rạn nứt nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm do anh B hay đi uống rượu về là đánh chửi chị thương tích

đầy người, chị không thể sống chung nên bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 3 năm 2021 sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Đồng Tiến Đ, sinh ngày 23/10/2006; Đồng Thị Ánh T1, sinh ngày 03/12/2012. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, nếu con chung có nguyện vọng ở với ai chị tôn trọng ý kiến của hai con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

****Ý kiến của bị đơn anh Đồng Văn B trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, cãi vã, xô sát. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đồng Tiến Đ, sinh ngày 23/10/2006; Đồng Thị Ánh T1, sinh ngày 03/12/2012. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, nếu con chung có nguyện vọng ở với ai anh tôn trọng ý kiến của hai con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhiều lần để vợ chồng suy nghĩ lại về đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh B không được cải thiện, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, anh B không nhất trí ly hôn do vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do anh B không có mặt tại phiên tòa, Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử công bố công khai bản tự khai của anh B, Biên bản hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên Tòa, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” căn cứ Điều

28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân thành phố Sông Công thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án :

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Đồng Thị Ánh T1, sinh ngày 03/12/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, giao con chung Đồng Tiến Đ, sinh ngày 23/10/2006 cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh B, chị T cho đến khi đôi bên có yêu cầu. Anh B, chị T có quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí : Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Đồng Văn B. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại xóm Ao Cang, xã B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015, anh B vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B.

[2] **Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đồng Văn B kết hôn năm 2005, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, có

làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái nguyên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B và chị sau khi kết hôn sống chung thì nảy sinh mâu thuẫn, sống bất hòa, không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh B thường xuyên uống rượu, khi say là đánh đập gây thương tích cho chị, nhiều lần như vậy chị rất sợ nên đã bỏ về nhà mẹ để sống từ tháng 3 năm 2021 sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh B sau khi kết hôn đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án đã kiên trì, hòa giải động viên vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm với anh B đã không còn. Xét thấy, nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng đến nay đã không còn nữa, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn. Anh B xin đoàn tụ nhưng không đến phiên tòa để tham gia hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, Anh B cũng khẳng định là không có biện pháp gì cải thiện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy có thể thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Đồng Văn B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đồng Văn B trong quá trình chung sống đã có 02 con chung là Đồng Tiến Đ, sinh ngày 23/10/2006; Đồng Thị Ánh T1, sinh ngày 03/12/2012. Quá trình giải quyết chị T và anh B đều đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung. Theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Hai con chung cũng có đơn trình bày nguyện vọng con chung Đồng Thị Ánh T1 có nguyện vọng ở với chị T, con chung Đồng Tiến Đ có nguyện vọng ở với anh B. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T, anh B đề nghị Tòa án xem xét theo đơn trình bày nguyện vọng của hai con, chị T, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của các con và của anh B, chị T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh B đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2015;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Đồng Văn B.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đồng Văn B.

[2]. Về con chung:

- Giao con chung Đồng Thị Ánh T1, sinh ngày 03/12/2012 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Đồng Tiến Đ, sinh ngày 23/10/2006 cho anh Đồng Văn B được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Hai bên được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0001446 ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đồng Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng Đ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định. Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TP SCTN;
- Chi cục THATP SCTN;
- UBND xã B, TP SCTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Bình